



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG



**MỤC LỤC**

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .....	3
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN .....	5
Quản trị công ty.....	5
Nhân sự .....	5
Văn hóa ứng xử .....	5
Phát triển sản phẩm dịch vụ .....	5
Phát triển công nghệ.....	5
Phát triển khách hàng .....	5
GIỚI THIỆU CÔNG TY.....	6
Lịch sử hoạt động .....	6
Lĩnh vực hoạt động .....	6
Con người TSC.....	6
Tầm nhìn.....	7
Các mốc sự kiện quan trọng.....	7
Những nét nổi bật năm 2009 .....	7
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG .....	8
Báo cáo tình hình tài chính .....	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .....	9
Triển vọng và kế hoạch trong tương lai .....	12
BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	14
Báo cáo của Hội đồng quản trị.....	14
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	16
TỔ CHỨC NHÂN SỰ .....	55
Cơ cấu tổ chức .....	55
Tóm tắt lý lịch Ban điều hành.....	56
Chính sách đối với người lao động.....	57
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	58
Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát.....	58
Thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát .....	58
Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	58

## **THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Kính thưa quý vị!**

Năm 2009 tiếp tục là một năm diễn biến đầy phức tạp đối với nền kinh tế thế giới. Mặc dù đã xuất hiện nhiều dấu hiệu lạc quan cho thấy cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã “chạm đáy” và kinh tế thế giới đang dần phục hồi nhưng những tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng vẫn ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế Việt Nam.

Kim ngạch xuất khẩu 2009 suy giảm nghiêm trọng, nhập siêu vẫn còn rất lớn, thâm hụt ngân sách cao và kiều hối giảm. FDI trong năm cũng có sự suy giảm đáng kể so với năm trước khi mức vốn đăng ký mới chỉ đạt khoảng 21,5 tỷ đô la, mức vốn thực hiện cũng giảm khoảng 13%. Lạm phát tuy đã được kiểm soát tương đối tốt nhưng sức ép gia tăng vẫn luôn tiềm ẩn, đe dọa sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy thấp hơn tốc độ tăng 6,23% của năm 2008 nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch, đặc biệt là trong bối cảnh nhiều nền kinh tế tăng trưởng âm mà kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng dương tương đối cao như trên là một thành công lớn.

Năm 2009, dù nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng vẫn là một năm đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ của TTCK Việt Nam. Cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index đã phục hồi mạnh trên 50%, trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội chuyển đổi thành Sở giao dịch chứng khoán. Giao dịch trực tuyến được áp dụng khiến cho việc giao dịch trở nên dễ dàng hơn.

Cổ phiếu của hàng loạt tập đoàn lớn đã được niêm yết như VCB, CTG,... đã giúp cho giá trị vốn hóa của toàn thị trường tăng mạnh. Cùng với đó là sự cạnh tranh gay gắt về thị phần giữa các công ty chứng khoán, nhiều công ty tiến hành giảm phí, thậm chí miễn phí giao dịch trong một thời gian dài để thu hút nhà đầu tư. Cạnh tranh bằng phí thay vì chất lượng dịch vụ đã khiến cho môi trường kinh doanh nhiều lúc bị méo mó và cái giá phải trả chính là tổn thất của bản thân công ty chứng khoán và cả nhà đầu tư.

Trong bối cảnh chung đó, Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long vẫn giữ được vị thế là một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam. Qua 9 năm hoạt động và phát triển vốn điều lệ của công ty đã tăng lên 800 tỷ đồng với tổng tài sản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 đạt 4.646 tỷ đồng.

Một thành công lớn trong năm 2009 của TSC chính là việc nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, được thể hiện thông qua việc đẩy mạnh hoàn thiện và xây dựng các sản phẩm mới; áp dụng công nghệ thông tin hiện đại trong giao dịch và xử lý thông tin; cơ cấu lại tổ chức, thu hút nhân tài và tăng cường đào tạo để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên. Quan trọng không kém, chúng tôi đã đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ tài chính nhằm tăng thêm giá trị cho nhà đầu tư, giúp nhà đầu tư cũng như bản thân Công ty nắm bắt kịp thời các cơ hội đầu tư tốt nhất.

### **Quý vị thân mến!**

Theo dự báo của các chuyên gia kinh tế, khả năng kinh tế thế giới sẽ phục hồi hoàn toàn vào Quý II năm 2010 sau những biến động khá bất ngờ của năm 2009. IMF cũng dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2010 đạt khoảng 3%. Sự cải thiện của kinh tế toàn cầu được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thêm cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

Mặc dù nền kinh tế có những dấu hiệu phục hồi vững chắc nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2010 tiếp tục được dự báo chỉ tăng trưởng ở mức vừa phải.

Xác định được những khó khăn, thuận lợi đó của nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2010, Chứng khoán Thăng Long sẽ tiếp tục có những bước chuyển biến mạnh mẽ, để tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán và ngân hàng đầu tư. Trước sự cạnh tranh khốc liệt và những biến động khó lường của thị trường, TSC tự tin phát triển thành công hơn nữa đội ngũ Môi giới chuyên nghiệp của mình cả về chất và lượng, qua đó duy trì vị trí hàng đầu về thị phần môi giới chứng khoán tại Việt Nam.

Năm 2010, Chứng khoán Thăng Long sẽ kỷ niệm 10 năm ngày thành lập, đây là cột mốc lớn đánh dấu sự trưởng thành và phát triển mạnh mẽ của TSC. Hướng tới sự kiện quan trọng này, với năng lực tài chính hiện có cùng sự đồng lòng quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, TSC đặt mục tiêu tiếp tục giữ vững sự ổn định, tận dụng mọi thời cơ để vươn lên mạnh mẽ tạo nguồn lực vững chắc cho một giai đoạn phát triển mới.

Để có được những thành quả đạt được trong năm vừa qua cũng như trên cả chặng đường hình thành và phát triển của mình, Chứng khoán Thăng Long xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới tất cả quý khách hàng của công ty, những người đã và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi. Thăng Long cam kết sẽ không ngừng đổi mới để trở thành một cầu nối quan trọng, một nơi để tất cả quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Lê Đình Ngọc

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

## **CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN**

Mục tiêu dài hạn của TSC là trở thành định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam. TSC cam kết theo đuổi và nỗ lực hết mình để hoàn thành mục tiêu trong thời gian không xa.

### **Quản trị công ty**

Ban điều hành TSC xác định rõ mục tiêu phát triển công ty theo hướng bền vững, tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh, chú trọng công tác quản trị rủi ro. Công ty thực hiện quản trị rủi ro ở tất cả các nghiệp vụ nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cao nhất.

### **Nhân sự**

Con người là yếu tố quan trọng nhất của mọi thành công. Nhận thức rõ tầm quan trọng của nhân tố này, ban điều hành TSC luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Công ty thường xuyên dành một quỹ thời gian đúng mức cho công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm tuyển dụng “đúng người, đúng việc”, đào tạo phát huy tốt nhất năng lực của mỗi thành viên.

### **Văn hóa ứng xử**

Sức mạnh tinh thần của TSC được thể hiện thông qua văn hóa ứng xử. Đó chính là chất keo đoàn kết, nguồn động viên, niềm tự hào của mỗi thành viên TSC. Ngoài việc đầu tư thời gian và trí tuệ cho các hoạt động kinh doanh, TSC phấn đấu trở thành công ty hàng đầu về Văn hóa ứng xử.

### **Sản phẩm dịch vụ**

Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ là mục tiêu lâu dài của TSC. Công ty luôn tập trung vào công tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu đa dạng của khách hàng. Công ty luôn chú trọng tới việc thiết kế các sản phẩm trực tuyến chuyên biệt nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của các đối tượng khách hàng trong khoảng thời gian ngắn nhất.

### **Công nghệ**

Công nghệ được xem là yếu tố tiên phong trong việc hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng. TSC luôn chú trọng đầu tư đổi mới, làm chủ công nghệ, ứng dụng các chuẩn công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ. TSC tập trung tự xây dựng và hoàn thiện hệ thống phần mềm lõi kết nối tập trung với tất cả các sản phẩm dịch vụ của công ty.

### **Khách hàng**

Khách hàng đóng vai trò trung tâm cho mọi hoạt động của TSC. Công ty cam kết mang đến các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho tất cả các tập khách hàng bao gồm cả nhà đầu tư cá nhân và doanh nghiệp. TSC sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới khách hàng nội địa và quốc tế.

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

### Lịch sử hoạt động

Công ty Chứng khoán Thăng Long (TSC) được thành lập ngày 11 tháng 5 năm 2000, theo quyết định số 78/2000/NHQĐ ngày 12 tháng 04 năm 2000 của Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội. Tự hào là một trong những công ty chứng khoán đầu tiên trên thị trường chứng khoán Việt Nam, với số vốn điều lệ ban đầu chỉ có 9 tỷ đồng, sau gần 10 năm hoạt động TSC đã lớn mạnh trở thành một tổ chức tài chính lớn có uy tín trên thị trường Việt Nam với vốn điều lệ đạt 800 tỷ đồng, tổng tài sản gần 5000 tỷ đồng. TSC cung cấp một hệ thống phong phú, hoàn chỉnh các dịch vụ về chứng khoán và ngân hàng đầu tư

Ngày 28 tháng 12 năm 2007, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký Quyết định số 98/UBCK-GPĐCCTCK chấp thuận cho Công ty Chứng khoán Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu từ TNHH sang Công ty Cổ phần và thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo Luật định

### Lĩnh vực hoạt động



### Con người TSC

Con người là một trong các yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào sự thành công của Công ty Chứng khoán Thăng Long. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 tổng số nhân sự đang làm việc tại TSC là 310 người, tăng 82 người so với năm 2008. Đội ngũ nhân sự TSC giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo trong và ngoài nước.

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tiến sỹ	4	1
Thạc sỹ	20	7
Đại học	270	87
Dưới đại học	16	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>310</b>	<b>100</b>

### Tầm nhìn

Mục tiêu lâu dài của Chứng khoán Thăng Long đó là trở thành định chế tài chính số một trên thị trường và là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực Hợp tác tài chính và Môi giới chứng khoán.

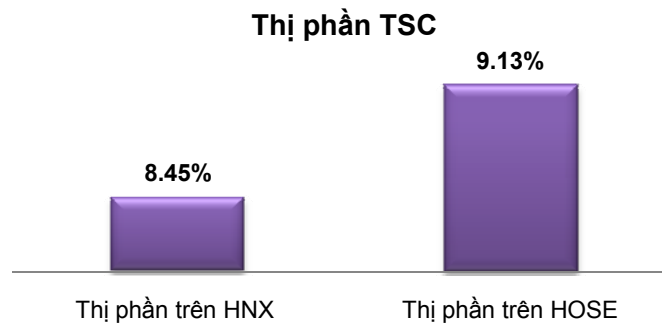
### Các mốc sự kiện quan trọng

<b>Tháng 5</b>	2000	Được thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội với vốn điều lệ 9 tỷ đồng
<b>Tháng 3</b>	2003	Khai trương Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh
<b>Tháng 8</b>	2003	Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ đồng
<b>Tháng 5</b>	2006	Tăng vốn lên 80 tỷ đồng
<b>Tháng 12</b>	2006	Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng
<b>Tháng 10</b>	2007	Tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng
<b>Tháng 12</b>	2007	Chuyển thành công ty Cổ phần và tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng
<b>Tháng 12</b>	2008	Tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ đồng
<b>Tháng 9</b>	2009	Tăng vốn điều lệ lên 650 tỷ đồng
<b>Tháng 10</b>	2009	Khai trương Chi nhánh tại Hải Phòng
<b>Tháng 12</b>	2009	Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng

### Những nét nổi bật năm 2009

Mặc dù năm vừa qua còn nhiều khó khăn nhưng HĐQT và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty Chứng khoán Thăng Long đã kịp thời nắm bắt và tận dụng cơ hội, hoàn thành xuất sắc kế hoạch đề ra. TSC đã ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường, trong năm 2009 TSC vinh dự được nhận danh hiệu “Dịch vụ Tin và dùng Việt Nam” do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn và là một trong những “Công ty chứng khoán được yêu thích nhất” trên HNX do Báo đầu tư kết hợp với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội bình chọn.

Thành công lớn nhất mà Công ty Chứng khoán Thăng Long đạt được trong năm 2009 đó là TSC đã vươn lên nắm giữ vị trí số 1 về thị phần môi giới trên cả 2 sàn HNX và HOSE. Trước đó, năm 2008 Công ty chỉ đứng trong top 10 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất, bước sang năm 2009 TSC đã chủ động, kịp thời nắm bắt cơ hội và đề ra chiến lược kinh doanh hợp lý để đạt được thành công như vậy.



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

### Báo cáo tình hình tài chính

#### Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	0,74%	1,56%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	90,02%	65,75%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	79,00%	77,33%
<i>Nợ phải trả/ tổng tài sản</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,19	1,37
<i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,19	1,37
<i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,29	0,26
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	14,39%	0,11%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	2,10%	0,02%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)	%	9,98%	0,08%

#### Giá trị sổ sách

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 giá trị sổ sách của Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long là: 12.195 VNĐ/1 CP

#### Số lượng cổ phiếu

STT	Nội dung	Tổng số cổ phiếu	
		Số đầu năm	Số cuối năm
1	Cổ phiếu thường	42.000.000	80.000.000
2	Cổ phiếu ưu đãi		

#### Số lượng trái phiếu

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số tiền	
		Số đầu năm	Số cuối năm
1	Trái phiếu phát hành	1.130.000.000	1.312.000.000
2	Trái phiếu chuyển đổi		

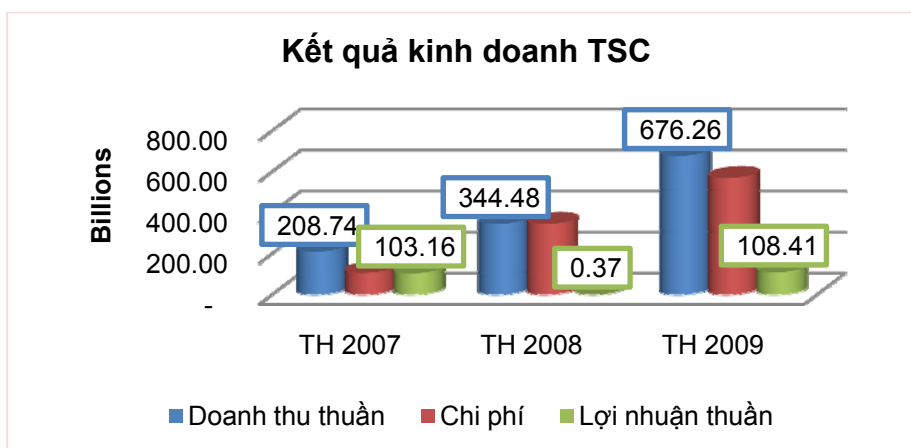


**Cổ tức**
*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung	Tổng số cổ phiếu	
		Năm trước	Năm nay
1	Cổ tức		0,8

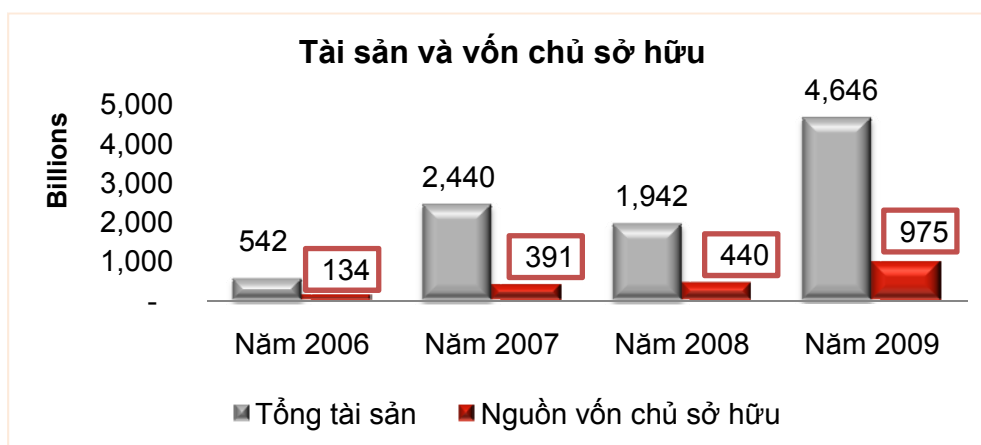
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
**Kết quả kinh doanh chung của TSC**

Kết thúc năm tài chính, doanh thu thuần toàn công ty đạt 676,26 tỷ đồng, vượt xấp xỉ 150% so với kế hoạch đặt ra và vượt xa doanh thu năm 2008.



Tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu năm 2009 cũng có sự tiến bộ vượt bậc so với các năm trước. Tổng tài sản toàn công ty tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 4.646 tỷ đồng (tăng 139,22% so với năm 2008).

Trong năm 2009 công ty đã tiến hành 2 đợt tăng vốn điều lệ, vốn điều lệ bình quân năm 2009 là trên 500 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt 975,26 tỷ đồng.

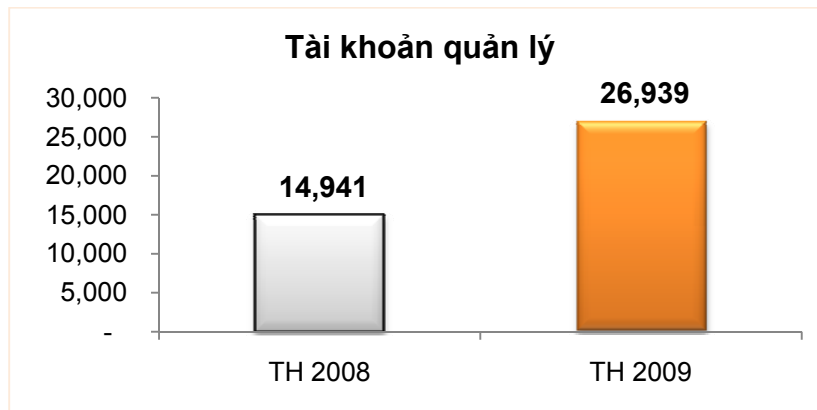


Bên cạnh đó, các hoạt động nghiệp vụ trong toàn công ty đã có sự liên kết chặt chẽ và phối hợp với nhau nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Toàn thể cán bộ nhân viên TSC đồng lòng, gắn kết thành một khối thống nhất cùng nhau xây dựng môi trường làm việc bình đẳng, thân thiện, tạo nên sức mạnh to lớn. Đó chính là lợi thế cạnh tranh của TSC so với các đối thủ cạnh tranh khác trên thị trường.

**Kết quả hoạt động các nghiệp vụ****❖ Hoạt động môi giới:**

Năm 2009, sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán diễn ra rất gay gắt tuy vậy TSC luôn thực hiện cạnh tranh công bằng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Chính sách TSC thực hiện trong thời gian qua là tập trung chăm sóc tốt khách hàng hiện tại và tìm kiếm khách hàng mới trên cơ sở chất lượng dịch vụ, tiện ích sản phẩm, công nghệ hiện đại, phục vụ nhu cầu của khách hàng nhanh và chính xác. Chính vì vậy, TSC ngày càng thu hút được nhiều khách hàng đến với công ty, số lượng tài khoản quản lý không ngừng tăng lên, kết thúc năm 2009 số tài khoản quản lý là 26.939 tài khoản (tăng gần gấp đôi so với năm 2008).



Không chỉ chú trọng vào hoạt động kinh doanh, mảng nghiệp vụ Môi giới đã kịp thời thay đổi mô hình tổ chức, áp dụng linh hoạt các chính sách hoa hồng dành cho Broker, tạo ra môi trường làm việc công bằng, khuyến khích cán bộ nhân viên trong đơn vị làm việc hiệu quả, mang lại doanh thu cho Môi giới nói riêng và Công ty nói chung.

**❖ Hoạt động tư vấn doanh nghiệp**

Hiện nay, bộ phận tư vấn doanh nghiệp TSC đang cung cấp cho các khách hàng tổ chức nhiều dịch vụ tư vấn đa dạng về tài chính doanh nghiệp. Các nghiệp vụ đang được triển khai bao gồm:

- Tư vấn niêm yết chứng khoán
- Tư vấn phát hành chứng khoán
- Tư vấn cổ phần hóa
- Tư vấn đầu giá
- Tư vấn và dịch vụ khác

Năm 2009, Công ty đã thực hiện tổng cộng hơn 80 hợp đồng tư vấn doanh nghiệp các loại, tăng gần gấp đôi số lượng hợp đồng ký kết trong năm 2008. Hoạt động tư vấn doanh nghiệp đã bắt đầu đi vào chiều sâu, mang tính chuyên môn hóa cao và mang lại hiệu quả.

**❖ Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư**

Năm 2009, hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư của Công ty đã kết nối được với khách hàng thông qua các báo cáo phân tích, chất lượng các báo cáo ngày càng được khách hàng đánh giá

cao. Hoạt động phân tích đã góp phần thực hiện chiến lược “hợp tác” với các doanh nghiệp nhằm thu hút các doanh nghiệp tiềm năng về với TSC.

Các báo cáo phân tích đã cập nhật những thông tin mới nhất về tình hình thị trường chứng khoán thế giới và Việt Nam, đồng thời đưa ra các nhận định và khuyến nghị về cơ hội cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, thông qua các buổi trao đổi tọa đàm với khách hàng, các nhà đầu tư của TSC đã có bức tranh tổng quan về thị trường hàng tháng và định hướng đầu tư trong tương lai. Hoạt động phân tích đã góp phần tạo dựng hình ảnh và thương hiệu TSC.

#### **❖ Hoạt động đầu tư tự doanh**

Theo nhận định của nhiều chuyên gia kinh tế vào thời điểm đầu năm 2009, khủng hoảng tài chính sẽ chạm “đáy” và nền kinh tế sẽ dần phục hồi. Cùng với những nhận định riêng của Thăng Long, hoạt động đầu tư đã nắm bắt được các cơ hội và mang lại hiệu quả thiết thực cho công ty. Khối đầu tư đã tập trung đẩy mạnh giao dịch, cơ cấu lại danh mục nhằm tăng nhanh giá trị tài sản ròng.

#### **❖ Hoạt động nguồn vốn**

Mục tiêu hàng đầu của hoạt động kinh doanh nguồn vốn là đáp ứng nhu cầu và đảm bảo an toàn nguồn vốn, đồng thời đem lại doanh thu cho công ty. Năm 2009, hoạt động Nguồn vốn đã đảm bảo vốn lưu chuyển thông suốt trên toàn hệ thống, phát huy tốt nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu, góp phần tăng doanh thu toàn công ty. Kết thúc năm tài chính, doanh thu từ hoạt động nguồn vốn chiếm trên 25% doanh thu của TSC, trong đó doanh thu từ thu lãi tiền gửi và đầu tư trái phiếu chiếm tỷ trọng cao.

Trên cơ sở khai thác nguồn vốn từ các đối tác, TSC có thể mạnh đã tận dụng được nguồn vốn từ cổ đông lớn là Ngân hàng TMCP Quân đội và các đơn vị trong MB Group, do đó nguồn vốn của TSC đáp ứng tốt tất cả các hoạt động của công ty.

#### **Các hoạt động xã hội**

Không chỉ là nơi để khách hàng và đối tác gửi gắm niềm tin, Thăng Long đã và đang cố gắng xây dựng một TSC vì cộng đồng.

Nếu như hoạt động kinh doanh hiệu quả là cách Thăng Long góp phần vào sự phát triển của đất nước, thì những hoạt động xã hội giúp Thăng Long gửi gắm vào cuộc sống niềm hy vọng, sự sẻ chia và những giá trị nhân văn mà người Việt Nam đã tích lũy từ bao đời.

Bước chân của những con người trẻ tuổi TSC đã đến tới Hà Giang - địa đầu Tổ quốc, đến với những xã hẻo lánh mà chưa từng có đoàn từ thiện nào đi tới để tận tay trao những món quà ấm áp cho người dân nghèo và các em nhỏ nơi đây. Không chỉ dừng lại ở những đợt vận động đóng góp về mặt tài chính, mọi thành viên TSC đều ý thức để trở thành những nhân tố tích cực của xã hội. Thăng Long đã có mặt sau khi những cơn lũ cuốn đi nhà cửa của những người dân nghèo tỉnh Phú Yên để kịp thời giúp họ ổn định lại cuộc sống; Các thành viên TSC cũng trực tiếp hỏi thăm, chia sẻ nỗi đau của những bệnh nhân nghèo không có điều kiện về quê ăn Tết, những em bé mồ côi và người già không nơi nương tựa... Và còn rất nhiều những mảnh đời bất hạnh khác mà những con người TSC nguyện sẽ chung tay giúp đỡ và trao tình yêu thương.

TSC hiểu rõ giá trị của giáo dục đối với sự phát triển nền kinh tế và đất nước. Việc tài trợ cho giáo dục và các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học được quan tâm và coi trọng. Tiêu biểu trong năm 2009, TSC là nhà tài trợ độc quyền cho cuộc thi *SCUE - Nhà đầu tư Chứng khoán Tương lai* với tổng mức tài trợ lên tới 500 triệu đồng. Cuộc thi đã thu

hút hơn 3.500 thí sinh đến từ 7 trường đại học thành phố Hồ Chí Minh, tạo cơ hội cho những tài năng trẻ được tỏa sáng.

Năm 2009 cũng là năm quý *Trái tim Thăng Long* chính thức ra đời trong sự ủng hộ nhiệt liệt của ban lãnh đạo, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên TSC. Thúc đẩy số lượng và chất lượng của những hoạt động xã hội của TSC chính là mục tiêu mà quỹ và những trái tim của Chứng khoán Thăng Long đang hướng tới.

## **Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

### *Triển vọng thị trường*

Năm 2010 được dự báo là một năm phục hồi của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới đã được kiểm soát đem lại một bức tranh khả quan cho nền kinh tế toàn cầu, sự phục hồi của kinh tế thế giới sẽ hỗ trợ đắc lực cho nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng và ổn định trở lại

Tại hội thảo “Kịch bản kinh tế năm 2010” do thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức ngày 1/12/2009 đã đưa ra những dự báo khả quan về tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ở mức 6,5%, kim ngạch xuất khẩu 6%, nhập siêu giảm và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) dưới 7%. Trong năm 2010 Việt Nam sẽ chú trọng thúc đẩy quá trình phục hồi tăng trưởng vững chắc, quan tâm đến tăng trưởng chất lượng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và ngăn ngừa tái lạm phát

Các chuyên gia kinh tế dự báo thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2010 sẽ tăng trưởng dựa trên những nền tảng vững chắc như: sự phát triển mạnh mẽ của thị trường niêm yết trong năm 2009 về cả chiều ngang và chiều sâu với sự kiện niêm yết của nhiều ngân hàng, tổ chức lớn; tình hình thanh khoản được cải thiện,... Các chuyên gia cũng dự báo thêm rằng thị trường chứng khoán nửa cuối năm 2010 sẽ thuận lợi hơn so với nửa đầu năm do chính sách tiền tệ đã ổn định hơn

### *Kế hoạch kinh doanh năm 2010*

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong năm 2009 và đánh giá về TTCK Việt Nam năm 2010 sẽ phát triển ổn định, TSC đề ra kế hoạch năm 2010 về các hoạt động như sau:

#### **❖ Hoạt động Môi giới**

Hoạt động môi giới sẽ tiếp tục đà tăng trưởng của năm 2009 với mục tiêu giữ vững thị phần hàng đầu trên thị trường và tăng nhanh số lượng tài khoản. Các nghiệp vụ môi giới sẽ được mở rộng theo chiều sâu, tăng hàm lượng giá trị gia tăng cho khách hàng. Công ty sẽ liên tục thực hiện các chương trình cải tiến chất lượng dịch vụ, đầu tư phát triển các sản phẩm mới đặc biệt là các sản phẩm mang hàm lượng công nghệ cao. Bên cạnh đó, công ty sẽ tập trung đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin phục vụ môi giới.

#### **❖ Hoạt động Ngân hàng đầu tư**

Ngân hàng đầu tư sẽ tập trung phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm đầu tư. Năm 2010 các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư sẽ đẩy mạnh khai thác các khách hàng tiềm năng, các tổng công ty, doanh nghiệp lớn ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Các nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư sẽ đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu TSC.

**❖ Hoạt động Đầu tư tự doanh**

Đối với hoạt động tự doanh, công ty sẽ cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng đầu tư vào các doanh nghiệp có kết quả kinh doanh tốt, có tiềm năng phát triển trên thị trường. Hoạt động đầu tư sẽ gắn chặt với nghiệp vụ quản lý rủi ro nhằm mang lại hiệu quả đầu tư cao nhất.

**❖ Hoạt động Nguồn vốn**

Với biến động khó lường của thị trường tài chính tiền tệ năm 2010, hoạt động Nguồn vốn sẽ bám sát diễn biến thị trường tiền tệ nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và ứng phó kịp thời với những điều chỉnh của thị trường. Bên cạnh đó, chiến lược mở rộng mạng lưới đối tác cung ứng vốn sẽ tiếp tục được thực hiện nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu luân chuyển vốn trên toàn hệ thống.

**❖ Hoạt động Phân tích & Tư vấn đầu tư**

Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư sẽ được cơ cấu lại theo hướng chuyên nghiệp hơn. Các báo cáo phân tích sẽ tập trung cung cấp các nội dung phù hợp với nhu cầu thực tế của khách hàng. TSC cũng sẽ đẩy mạnh việc tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề nhằm tư vấn về thị trường cho các nhà đầu tư. Thông qua các báo cáo phân tích vị thế của Thăng Long sẽ tiếp tục được khẳng định trên thị trường.

**❖ Hoạt động Marketing**

Hoạt động Marketing năm 2010 sẽ tập trung vào các chương trình kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long. Hoạt động PR – Quảng cáo sẽ tiếp tục được đẩy mạnh, lồng ghép cùng với các đơn vị trong MB Group, góp phần quảng bá hình ảnh của công ty đến với khách hàng. Hoạt động nghiên cứu phát triển sẽ tập trung nghiên cứu các sản phẩm mới trên nền tảng trực tuyến, đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Các nghiệp vụ kinh doanh năm 2010 sẽ được thực hiện quyết liệt ngay từ đầu năm nhằm tận dụng mọi cơ hội thị trường, giữ vững vị trí hàng đầu về môi giới chứng khoán và chuyển hướng hoạt động Investment Bank trở thành một trong những Ngân hàng đầu tư hàng đầu tại Việt Nam.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Báo cáo của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007, ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có hai chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty là 97.323.499 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: 373.160 nghìn đồng Việt Nam).

Trong năm 2009, Công ty đã tạm ứng trả cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 8% (năm 2008: Công ty không chia cổ tức).

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Viết Thích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Tạm bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2008



**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:

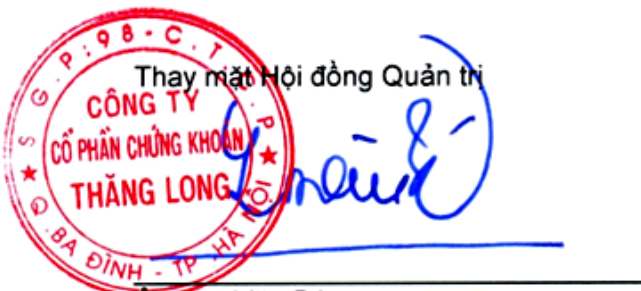
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị  
**CÔNG TY**  
**CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN**  
**THĂNG LONG**  
S.G.P. 98.C.T  
Đ. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Ông Lê Văn Bé  
Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60755036/ 14061633

## Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (“các báo cáo tài chính”). Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Ngoại trừ vấn đề được trình bày dưới đây, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.


### Vấn đề Ngoại trừ

Chúng tôi xin lưu ý đến khoản mục Chứng chỉ quỹ trị giá 45.525.000 nghìn đồng như được trình bày tại Thuyết minh số III.10 – Đầu tư chứng khoán dài hạn. Theo các báo cáo tài chính của quỹ đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, vốn chủ sở hữu thực có của quỹ đã giảm so với vốn góp thực tế của các nhà đầu tư và phần giảm theo tỷ lệ sở hữu của Công ty là 17.239.275 nghìn đồng. Tuy nhiên, trong năm 2008, Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho chứng chỉ quỹ đầu tư này. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ cho khoản mục chứng chỉ quỹ này trong năm 2008 thì lợi nhuận thuần sau thuế của năm 2008 sẽ giảm đi và lợi nhuận thuần sau thuế của năm 2009 sẽ tăng lên cùng một số tiền là 17.239.275 nghìn đồng.



### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.*

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Hoàng Văn*

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0264/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

*Minh*

Võ Xuân Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: 0923/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
<b>100</b>	<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.181.979.955</b>	<b>1.276.831.105</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>III.1</b>	<b>1.019.341.798</b>	<b>243.572.340</b>
111	1. Tiền		849.341.798	151.299.840
112	2. Các khoản tương đương tiền		170.000.000	92.272.500
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>III.3</b>	<b>1.227.666.550</b>	<b>252.229.589</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.291.818.907	301.015.456
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(64.152.357)	(48.785.867)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.924.104.680</b>	<b>773.915.847</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	III.4	1.884.852.723	745.512.645
132	2. Trả trước cho người bán		106.710	774.308
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		58.818	233.045
138	5. Các khoản phải thu khác	III.5	39.300.333	28.285.842
139	6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		(213.904)	(889.993)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>118.796</b>	<b>-</b>
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.748.131</b>	<b>7.113.329</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	III.6	8.277.031	1.676.687
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	III.7	2.471.100	5.436.642

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
<b>200</b>	<b>B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>		<b>463.542.412</b>	<b>665.139.032</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>III.8</b>	<b>34.359.238</b>	<b>30.260.739</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình		22.899.894	24.944.111
222	Nguyên giá		42.825.130	34.463.447
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.925.236)	(9.519.336)
227	2. Tài sản cố định vô hình		8.542.894	5.316.628
228	Nguyên giá		12.756.766	7.087.990
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.213.872)	(1.771.362)
	3. Mua sắm tài sản cố định		2.916.450	-
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>III.9</b>	<b>114.913.980</b>	<b>174.413.980</b>
241	Nguyên giá		114.913.980	174.413.980
242	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>269.620.045</b>	<b>454.818.932</b>
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	III.10	215.025.639	349.173.932
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		215.025.639	349.173.932
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác	III.11	76.235.000	105.645.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	III.10	(21.640.594)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>44.649.149</b>	<b>5.645.381</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	III.12	36.630.523	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
263	3. Tiền nộp Quý hỗ trợ thanh toán	III.13	5.685.436	3.587.866
268	4. Tài sản dài hạn khác		2.333.190	2.057.515
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.645.522.367</b>	<b>1.941.970.137</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.670.264.530</b>	<b>1.501.674.133</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.501.924.811</b>	<b>930.050.679</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	III.15	2.615.950.200	630.000.000
312	2. Phải trả người bán		1.235.962	6.007.559
313	3. Người mua trả tiền trước		972.662	669.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.14	12.413.522	1.447.091
315	5. Phải trả người lao động		1.469.141	-
316	6. Chi phí phải trả	III.16	44.268.049	47.233.084
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	III.17	782.288.491	227.197.809
321	9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	III.18	39.200.447	13.004.797
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		2.883.608	3.730.584
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.242.729	760.755
329	12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>168.339.719</b>	<b>571.623.454</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	III.19	68.225.000	71.403.140
334	4. Vay và nợ dài hạn	III.20	100.000.000	500.000.000
336	5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		114.719	220.314
339	6. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
<b>400</b>	<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>III.21</b>	<b>975.257.837</b>	<b>440.296.004</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>975.010.001</b>	<b>439.242.249</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		800.000.000	420.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		121.000.000	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	988.985
418	8. Các quỹ dự trữ		21.568.279	17.814.755
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		32.441.722	438.509
<b>430</b>	<b>II. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>		<b>247.836</b>	<b>1.053.755</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.645.522.367</b>	<b>1.941.970.137</b>

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	-	-
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	986.980.820	743.943.420
003	3. Tài sản nhận ký cược	-	-
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
005	5. Ngoại tệ các loại	-	-
006	6. Chứng khoán lưu ký	2.254.628.080	6.002.772.660
	<i>Trong đó</i>		
007	<b>6.1. Chứng khoán giao dịch</b>	<b>1.966.359.070</b>	<b>5.926.870.770</b>
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	151.276.010	99.552.100
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.762.031.690	5.814.039.260
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	53.051.370	13.279.410
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	<b>6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>277.295.960</b>	<b>55.241.100</b>
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	2.128.950
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	254.993.960	40.587.010
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	22.302.000	12.525.140
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	<b>6.3. Chứng khoán cầm cố</b>	<b>1.647.350</b>	<b>20.660.790</b>
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	2.440.500
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	1.647.350	18.220.290
020	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	<b>6.4. Chứng khoán tạm giữ</b>	-	-
027	<b>6.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	-	-
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	<b>6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	-	-
037	<b>6.7. Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>9.325.700</b>	-
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	8.462.880	-
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	862.820	-
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	<b>6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</b>	-	-
047	<b>6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	-	-

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

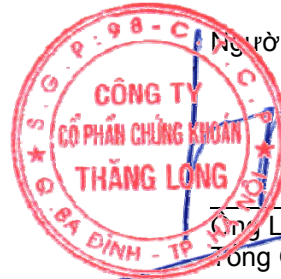
Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm trình bày lại
050	<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	-	-
	<i>Trong đó:</i>		
051	<b>7.1. Chứng khoán giao dịch</b>	-	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
056	<b>7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	-	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
061	<b>7.3. Chứng khoán cầm cố</b>	-	-
071	<b>7.5. Chứng khoán chờ thanh toán</b>	-	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
076	<b>7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	-	-
081	<b>7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	-	-
	<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	<b>109.864.300</b>	<b>122.619.590</b>
	<b>Tổng cộng tài khoản ngoại bảng</b>	<b>3.351.473.200</b>	<b>6.869.335.670</b>

Người lập



Bà Trương Tú Anh  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Đình Ngọc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008 trình bày lại
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>		<b>676.922.453</b>	<b>346.475.642</b>
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		192.133.063	35.021.105
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	III.22	176.879.929	80.859.230
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		5.177.441	700.241
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		80.327	49.918
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		4.541.503	3.120.728
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		4.999.094	1.765.860
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		1.209.350	147.803
01.9	Doanh thu khác	III.23	291.901.746	224.810.757
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		<b>(665.347)</b>	<b>(1.993.015)</b>
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>		<b>676.257.106</b>	<b>344.482.627</b>
<b>11</b>	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>III.24</b>	<b>(536.008.870)</b>	<b>(323.245.596)</b>
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(499.677.876)	(279.299.962)
	Chi phí dự phòng chứng khoán		(36.330.994)	(43.945.634)
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>		<b>140.248.236</b>	<b>21.237.031</b>
<b>25</b>	<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>III.25</b>	<b>(31.840.403)</b>	<b>(20.866.914)</b>
<b>30</b>	<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>108.407.833</b>	<b>370.117</b>
31	8. Thu nhập khác		303	7.219
32	9. Chi phí khác		-	(4.176)
<b>40</b>	<b>10. Lợi nhuận khác</b>		<b>303</b>	<b>3.043</b>
<b>50</b>	<b>11. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>108.408.136</b>	<b>373.160</b>
<b>51</b>	<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>III.14</b>	<b>(11.084.637)</b>	<b>-</b>
<b>52</b>	<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>60</b>	<b>14. Lợi nhuận sau thuế</b>		<b>97.323.499</b>	<b>373.160</b>
<b>90</b>	<b>14. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu</b>		<b>1,959</b>	<b>0,010</b>

Người lập



 Bà Trương Tú Anh  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Người phê duyệt



 Ông Lê Đình Ngọc  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam*

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008 trình bày lại</i>
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>108.408.136</b>	<b>373.160</b>
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	III.8	12.965.499	8.376.890
03	Các khoản dự phòng		36.330.994	43.945.634
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(310.380.466)	(250.466.576)
06	Chi phí lãi vay	III.24	186.750.003	179.944.152
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>34.074.166</b>	<b>(17.826.740)</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.138.567.957)	528.757.699
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(444.543.479)	99.427.326
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		580.580.031	(504.372.414)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(43.230.867)	(768.512)
13	Tiền lãi vay đã trả		(177.578.180)	(148.651.710)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	III.14	(966.154)	(15.277.387)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.132.911
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.980.289)	-
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(1.197.212.729)</b>	<b>(53.578.827)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	III.8	(14.147.548)	(195.038.761)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	III.8 III.9	59.617.089	501.771
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.990.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		301.684.125	246.619.620
28	Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn		134.148.293	(121.923.932)
29	Tiền đầu tư vào các hoạt động đầu tư khác		(546.259.972)	(48.733.400)
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(61.968.013)</b>	<b>(123.574.702)</b>

*Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.*

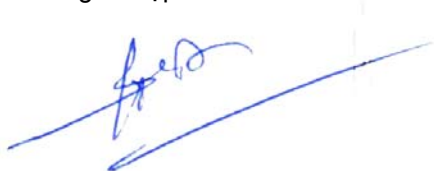


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	III.21	501.000.000	120.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.985.950.200	330.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(400.000.000)	(405.898.581)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	III.21	(52.000.000)	(59.897.958)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>2.034.950.200</b>	<b>(15.796.539)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>775.769.458</b>	<b>(192.950.068)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>243.572.340</b>	<b>436.522.408</b>
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>1.019.341.798</b>	<b>243.572.340</b>

Người lập



Bà Trương Tú Anh  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt



Ông Lê Đình Ngọc  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**Hoạt động**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“SSC”) cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007 và ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

**Vốn Điều lệ**

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2000 là 9.000.000 nghìn đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000 nghìn đồng Việt Nam (năm 2008: 420.000.000 nghìn đồng Việt Nam).

Trong năm 2009, Công ty có đợt tăng vốn điều lệ như sau:

<u>Vốn tăng lên (nghìn đồng )</u>	<u>Được phê duyệt theo</u>	<u>Ngày</u>
650.000.000	QĐ số 256/UBCK-GP	Ngày 3 tháng 9 năm 2009
800.000.000	QĐ số 291/UBCK-GP	Ngày 24 tháng 12 năm 2009

**Hội đồng Quản trị**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm tài chính và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Viết Thích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Tạm bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2008

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thu Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Đoàn Thị Như Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Thẩm Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

### **Mạng lưới Hoạt động**

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty có một (01) trụ sở chính, một (01) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh và một (01) chi nhánh tại Hải Phòng.

### **Nhân viên**

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 310 người (năm 2008: 228 người).

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng nghìn đồng Việt Nam (“nghìn đồng” hoặc “VNĐ’000”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra các báo cáo tài chính này không nhằm trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là sổ nhật ký chung.

### **3. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán được chi tiết như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

### **6. Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 7. *Khấu hao và khấu trừ*

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính, thời gian như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	3 năm

### 8. *Thuê tài sản*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 9. *Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán*

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

#### *Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn*

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá trị ghi sổ, trừ đi dự phòng giảm giá nếu có.

#### *Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là giá đóng cửa ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và là giá bình quân ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được tính toán dựa trên tham khảo bình quân cho các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số các báo giá công khai của các công ty chứng khoán lớn, có uy tín trên thị trường. Các chứng khoán không có giá tham khảo sẽ được trình bày theo giá gốc.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## **II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **10. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

### **11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Các khoản chênh lệch tỷ giá được xử lý theo quy định tại Thông tư 201/2009/TT - BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản phải thu và phải trả ngắn hạn từ 1 năm trở xuống được hạch toán vào quỹ chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán cuối năm tài chính. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại các khoản mục phải thu dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Chênh lệch giảm khi đánh giá lại các khoản nợ dài hạn được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, trong khi chênh lệch tăng khi đánh giá các khoản nợ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ trường hợp việc hạch toán này làm kết quả kinh doanh bị lỗ. Trong trường hợp này, khoản chênh lệch được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị cao hơn giữa giá trị phân bổ để kết quả kinh doanh không bị lỗ và giá trị chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm. Phần còn lại hạch toán trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm sau nhưng tối đa không quá 5 năm.

### **13. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 13. Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 14. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập ( hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 16. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 17. Số liệu so sánh

Năm 2009, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 95/2008/TT-BTC trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính. Theo đó, một số khoản mục trên các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008 được trình bày lại cho phù hợp với Thông tư 95/2008/TT-BTC.

### 18. Lợi ích nhân viên

*Trợ cấp nghỉ hưu:* Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Công ty đang đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc*

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

*Trợ cấp mất việc:* theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cơ bản và phụ cấp nếu có theo bậc lương hiện hưởng cho mỗi năm làm việc.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các doanh nghiệp phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1,00% đến 3,00%/năm trên quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội.

*Quỹ bảo hiểm thất nghiệp:* theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 thì người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH**
**III.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
Tiền mặt	351.758	422.002
Tiền gửi ngân hàng		
<i>Trong đó :</i>	846.056.507	146.774.230
<i>Tiền gửi ngân hàng của công ty</i>	63.768.016	19.434.028
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch     chứng khoán</i>	782.288.491	127.340.202
Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành	2.933.533	4.103.608
Các khoản tương đương tiền	170.000.000	92.272.500
	<b>1.019.341.798</b>	<b>243.572.340</b>

**III.1.1 Tiền gửi ngân hàng của công ty**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	59.908.287	18.920.975
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.715.774	438.112
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	52.984	31.837
Ngân hàng TMCP An Bình	16.758	11.477
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	60.205	10.909
Các ngân hàng khác	14.008	20.718
	<b>63.768.016</b>	<b>19.434.028</b>

**III.1.2 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	714.206.443	119.193.854
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	66.491.576	8.019.659
Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.461.980	-
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	128.492	126.689
	<b>782.288.491</b>	<b>127.340.202</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.1 Tiền và các khoản tương đương tiền (tiếp theo)

##### III.1.3 Các khoản tương đương tiền

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
Công ty CP Tài chính Xi măng	-	12.000.000
Ngân hàng TMCP Thái Bình Dương	-	25.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	15.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	15.000.000	40.272.500
Ngân hàng TMCP Quốc tế	35.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á	55.000.000	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa	35.000.000	-
Công ty CP Tài chính Sông Đà	30.000.000	-
	<b>170.000.000</b>	<b>92.272.500</b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Công ty tại các tổ chức tín dụng hưởng lãi suất từ 8% đến 13%/năm (Năm 2008: từ 6,45% đến 13,9%/năm).

#### III.2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ nghìn đồng</i>
<b>1. Của Công ty</b>	<b>106.352.663</b>	<b>5.843.815.818</b>
- Cổ phiếu	91.652.663	4.354.081.118
- Trái phiếu	14.700.000	1.489.734.700
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	-	-
<b>2. Của nhà đầu tư</b>	<b>2.631.172.791</b>	<b>127.555.222.014</b>
- Cổ phiếu	2.364.570.522	106.679.675.480
- Trái phiếu	193.381.029	19.890.566.460
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	73.221.240	984.980.074
	<b>2.737.525.454</b>	<b>133.399.037.832</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
Chứng khoán thương mại	623.034.935	178.491.456
Đầu tư ngắn hạn khác	668.783.972	122.524.000
	<b>1.291.818.907</b>	<b>301.015.456</b>
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	(64.152.357)	(48.785.867)
	<b>1.227.666.550</b>	<b>252.229.589</b>

**III.3.1 Chứng khoán thương mại**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
<b>Chứng khoán thương mại</b>		
Cổ phiếu niêm yết	519.558.215	125.266.884
Trái phiếu các loại	103.476.600	53.224.452
Chứng chỉ quỹ	120	120
	<b>623.034.935</b>	<b>178.491.456</b>
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại</b>		
Cổ phiếu niêm yết	(64.152.357)	(48.785.867)
	<b>(64.152.357)</b>	<b>(48.785.867)</b>

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.3.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm nghìn đồng</u>	<u>Số đầu năm nghìn đồng</u>
<b>Đầu tư ngắn hạn của Công ty</b>		
1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP ĐTPT&TM Dịch vụ Vĩnh Lộc (*)	19.000.000	-
2. Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (**)	239.147.900	-
3. Cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long	11.158.000	22.524.000
4. Các hợp đồng ba bên hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (***)	399.478.072	-
<b>Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán</b>		
Kỳ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn	-	100.000.000
	<b><u>668.783.972</u></b>	<b><u>122.524.000</u></b>

(\*): Hợp đồng hợp tác kinh doanh chia sẻ lợi tức với Công ty CP Đầu tư Phát triển và Thương mại Dịch vụ Vĩnh Lộc là hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán niêm yết mà hai bên cùng chia sẻ lợi tức thu được từ danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, danh mục chứng khoán đầu tư này không có dấu hiệu giảm giá do đó được thể hiện theo giá gốc.

(\*\*): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) là các hợp đồng đầu tư mà theo đó Công ty sẽ thu lợi tức cố định hàng năm từ 10,2% – 30%/năm.

(\*\*\*): Các hợp đồng ba bên hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư là các hợp đồng hợp tác mà theo đó Công ty cấp vốn cho Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) để thực hiện các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán với nhà đầu tư theo thỏa thuận giữa TLI và nhà đầu tư. Công ty hưởng phí cố định trên các hợp đồng hợp tác này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.4 Phải thu khách hàng

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (1)	889.535.605	241.719.393
Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (2)	924.564.756	500.250.659
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (3)	66.052.795	3.542.593
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	264.000	-
Phải thu phí môi giới chứng khoán	3.517.700	-
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khác	917.867	-
	<b>1.884.852.723</b>	<b>745.512.645</b>

(1): Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đầu giá mua cổ phần, hỗ trợ thanh toán, hỗ trợ mua cổ phiếu. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán được hỗ trợ tài chính hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 2 ngày đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 1,025%/tháng đến 3,0%/tháng (năm 2008 từ 1,35%/tháng đến 1,8%/tháng). Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.

(2): Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 1 tháng đến 1 năm và có mức lãi suất từ 1%/tháng đến 2%/tháng (năm 2008 từ 1,35%/tháng đến 1,8%/tháng). Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.

(3): Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên trung tâm giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm giao dịch chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là từ 0,2% đến 0,3%/ngày tính trên số tiền ứng trước (năm 2008 từ 0,04% đến 0,58%/ngày).

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi cho các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư và các cam kết mua và bán lại chứng khoán đến hạn nhưng khách hàng không thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.5 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Lãi dự thu	35.429.279	25.760.765
Phải thu trung tâm tiền bán cổ phiếu sửa lỗi	2.409.505	-
Phải thu về cổ tức	945.965	1.918.138
Phải thu khác	515.584	606.939
	<b>39.300.333</b>	<b>28.285.842</b>

**III.6 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	4.501.691	522.248
Chi phí trả trước CCDC chờ phân bổ	1.671.028	128.508
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	1.065.919	583.619
Chi phí đồng phục nhân viên chờ phân bổ	42.516	235.795
Chi phí trả trước khác	995.877	206.517
	<b>8.277.031</b>	<b>1.676.687</b>

**III.7 Tài sản ngắn hạn khác**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134.227	51.000
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	2.336.873	876.200
Tạm ứng sửa lỗi giao dịch chứng khoán	-	4.506.982
Tạm ứng khác	-	2.460
	<b>2.471.100</b>	<b>5.436.642</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.8 Tài sản cố định**
**III.8.1 Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc nghìn đồng</i>	<i>Máy móc, thiết bị nghìn đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải nghìn đồng</i>	<i>Thiết bị văn phòng nghìn đồng</i>	<i>Tổng cộng nghìn đồng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.102.676	29.491.636	1.719.216	149.919	34.463.447
Mua trong năm	223.308	3.573.725	4.651.436	30.303	8.478.772
Thanh lý	30.490	86.599	-	-	117.089
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>3.295.494</u>	<u>32.978.762</u>	<u>6.370.652</u>	<u>180.222</u>	<u>42.825.130</u>
<b>Khấu hao lũy kế:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	703.144	8.042.983	729.318	43.891	9.519.336
Khấu hao trong năm	579.825	9.404.238	498.841	40.085	10.522.989
Thanh lý	30.490	86.599	-	-	117.089
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>1.252.479</u>	<u>17.360.622</u>	<u>1.228.159</u>	<u>83.976</u>	<u>19.925.236</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>2.399.532</u>	<u>21.448.653</u>	<u>989.898</u>	<u>106.028</u>	<u>24.944.111</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>2.043.015</u>	<u>15.618.140</u>	<u>5.142.493</u>	<u>96.246</u>	<u>22.899.894</u>

**III.8.2 Tài sản cố định vô hình**

	<i>Nhãn hiệu hàng hóa nghìn đồng</i>	<i>Phần mềm vi tính nghìn đồng</i>	<i>Tổng cộng nghìn đồng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	7.087.990	7.087.990
Mua trong năm	14.385	5.654.391	5.668.776
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>14.385</u>	<u>12.742.381</u>	<u>12.756.766</u>
<b>Khấu hao lũy kế:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	1.771.362	1.771.362
Khấu hao trong năm	-	2.442.510	2.442.510
Thanh lý	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	<u>4.213.872</u>	<u>4.213.872</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	-	<u>5.316.628</u>	<u>5.316.628</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	<u>14.385</u>	<u>8.528.509</u>	<u>8.542.894</u>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá vốn quyền sử dụng đất tại Quận 1, TP Hồ Chí Minh theo đầu tư của Công ty.

#### III.10 Đầu tư chứng khoán dài hạn

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</i>
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết	169.500.639	303.628.932
Chứng chỉ quỹ	45.525.000	45.525.000
Trái phiếu các loại	-	20.000
<b>Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	-
	<b>215.025.639</b>	<b>349.173.932</b>
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	(12.148.594)	-
Chứng chỉ quỹ (**)	(9.492.000)	-
	<b>(21.640.594)</b>	-

(\*): Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty thực hiện phân loại và xác định giá thị trường tham khảo làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá của chứng khoán chưa niêm yết như sau:

<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>Giá trị thị trường</i>		<i>Dự phòng giảm giá nghìn đồng</i>
	<i>Giá gốc nghìn đồng</i>	<i>tham khảo nghìn đồng</i>	
Các cổ phiếu có giá trị thị trường tham khảo nhỏ hơn giá trị ghi sổ (i)	25.048.889	12.900.295	(12.148.594)
Các cổ phiếu có giá trị thị trường tham khảo lớn hơn giá trị ghi sổ	1.433.925	2.438.500	-
Các cổ phiếu khác (ii)	143.017.825	N/A	N/A
	<b>169.500.639</b>	<b>N/A</b>	<b>N/A</b>

N/A: Thông tin không sẵn có

- (i) Giá trị thị trường tham khảo của các cổ phiếu chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo bình quân cho các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số các báo giá công khai của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết có từ 3 báo giá trở lên trong số các báo giá của các công ty chứng khoán và có giá trị thị trường tham khảo nhỏ hơn giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.10 Đầu tư chứng khoán dài hạn (tiếp theo)

(ii) Công ty thể hiện các chứng khoán này theo giá gốc do không có thông tin tham chiếu về giá trị hợp lý trên thị trường để xác định mức độ giảm giá nếu có; ngoài ra Công ty cũng không thể xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này theo các mô hình định giá khác do thiếu thông tin.

(\*\*): Đối với chứng chỉ quỹ, Công ty thực hiện trích lập dựa trên số liệu NAV (“Tài sản ròng” hay vốn chủ sở hữu) được thông báo bởi các quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009. Chi tiết như sau:

	<i>Giá gốc nghìn đồng</i>	<i>Giá trị ròng nghìn đồng</i>	<i>Dự phòng giảm giá nghìn đồng</i>
Chứng chỉ quỹ Hà nội Fund	15.225.000	14.322.000	(903.000)
Chứng chỉ quỹ Tiger Fund	30.300.000	21.711.000	(8.589.000)
	<b>45.525.000</b>	<b>36.033.000</b>	<b>(9.492.000)</b>

#### III.11 Đầu tư dài hạn khác

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
<b>Đầu tư dài hạn của Công ty</b>		
Hợp đồng tiền gửi Ngân hàng dài hạn	-	29.420.000
Đầu tư vốn góp dài hạn (i)	5.010.000	8.000.000
Ủy thác đầu tư góp vốn vào Đất Việt Land (ii)	3.000.000	-
<b>Đầu tư dài hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán</b>		
Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn CK A2 (SFA2) (iii)	53.000.000	53.000.000
Chứng chỉ quỹ đầu tư CK Hà Nội (iv)	15.225.000	15.225.000
	<b>76.235.000</b>	<b>105.645.000</b>

##### III.11.1 Đầu tư dài hạn của Công ty

(i) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mệnh giá nghìn đồng</i>	<i>Giá trị ghi sổ nghìn đồng</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu của công ty</i>
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB	10.000	10.000	0.025%
Công ty CP Địa ốc MB	5.000.000	5.000.000	1%
	<b>5.010.000</b>	<b>5.010.000</b>	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.11 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

##### III.11.1 Đầu tư dài hạn của Công ty (tiếp theo)

(ii) Ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty CP địa ốc Đất Việt là khoản đầu tư góp vốn mà Công ty ủy thác thông qua Ngân hàng TMCP Quân đội là đại diện của các nhà đầu tư.

##### III.11.2 Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK

(iii) Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn A2 (SFA2) là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư vào Quỹ SFA2 với đại diện các nhà đầu tư ủy thác cá nhân, trong đó Công ty hưởng thu nhập cố định 0,2%/năm trên tổng số tiền ủy thác thực tế.

(iv) Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán Hà Nội là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Ngân hàng TMCP Quân đội.

#### III.12 Chi phí trả trước dài hạn

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Chi phí lắp đặt, sửa chữa trả trước dài hạn	1.385.175	-
Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn	35.215.669	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	29.679	-
	<b>36.630.523</b>	<b>-</b>

#### III.13 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Năm 2009 nghìn đồng</i>	<i>Năm 2008 nghìn đồng</i>
Số dư đầu kỳ	3.587.866	648.844
Tăng trong kỳ	2.097.570	2.939.022
Số dư cuối kỳ	<b>5.685.436</b>	<b>3.587.866</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Điều chỉnh do quyết toán thuế những năm trước	Số cuối năm
<b>I Thuế</b>	<b>10</b>	<b>1.432.886</b>	<b>19.351.628</b>	<b>(8.587.039)</b>	<b>213.822</b>	<b>12.411.297</b>
1 Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11	108.408	2.527.222	(2.272.775)	(1.915)	360.940
2 Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-	-
3 Thuế nhập khẩu	13	-	-	-	-	-
4 Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	903.961	11.084.637	(966.154)	209.547	11.231.991
5 Thuế nhà đất	15	-	-	-	-	-
6 Tiền thuê đất	16	-	-	-	-	-
7 Các loại thuế khác	17	420.517	5.739.769	(5.348.110)	6.190	818.366
Thuế thu nhập cá nhân		420.517	5.739.769	(5.348.110)	6.190	818.366
Thuế môn bài		-	-	-	-	-
Thuế khác		-	-	-	-	-
<b>II Các khoản phải nộp khác</b>	<b>18</b>	<b>14.205</b>	<b>93.822</b>	<b>(99.615)</b>	<b>(6.187)</b>	<b>2.225</b>
1 Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-	-
2 Các khoản phải nộp khác	20	14.205	93.822	(99.615)	(6.187)	2.225
		<b>1.447.091</b>	<b>19.445.450</b>	<b>(8.686.654)</b>	<b>207.635</b>	<b>12.413.522</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

##### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 3354/TC-CST ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2001 và 2002 (Năm 2001 là năm đầu tiên Công ty có lãi) Công ty phải nộp thuế TNDN theo thuế suất 10% từ năm 2003 đến 2005, 20% trong các năm từ 2006 đến 2010, và 25% cho các năm tiếp theo.

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 về ưu đãi thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Công ty được giảm trừ 30% số thuế phải nộp của năm 2009 do Công ty đáp ứng tiêu chí của công ty vừa và nhỏ với số lao động sử dụng bình quân trong quý 4 năm 2008 không quá 300 người.

	<i>Năm 2009</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2008</i> <i>trình bày lại</i> <i>nghìn đồng</i>
Tổng lợi nhuận trước thuế	108.408.136	373.160
Trừ:		
<i>Thu nhập cổ tức không chịu thuế</i>	<i>(10.008.386)</i>	<i>(23.046.794)</i>
Cộng:		
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>3.254.402</i>	-
Thu nhập/(lỗ) tính thuế TNDN trước chuyển lỗ	101.654.152	(22.673.634)
Chuyển lỗ tính thuế TNDN từ năm trước	<u>(22.673.634)</u>	-
Thu nhập/(lỗ) tính thuế TNDN	78.980.518	(22.673.634)
Trong đó:		
<i>Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất</i> <i>chịu thuế TNDN mức 25%</i>	<i>248.773</i>	-
<i>Thu nhập chịu thuế TNDN mức 20%</i>	<i>78.731.745</i>	-
<b>Chi phí thuế TNDN của riêng Công ty</b>	<b>11.084.637</b>	-
Trong đó:		
<i>Thuế TNDN từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất</i> <i>theo thuế suất áp dụng là 25%</i>	<i>62.193</i>	-
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng</i> <i>là 20%</i>	<i>15.746.349</i>	-
<i>Miễn giảm 30% thuế TNDN theo TT03/2009/TT-BTC</i>	<i>(4.723.905)</i>	-
Thuế TNDN phải nộp hộ Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Hà Nội	-	325.224
<b>Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ</b>	<b>11.084.637</b>	<b>325.224</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	903.961	16.071.605
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(966.154)	(15.277.387)
Hạch toán điều chỉnh thuế TNDN theo Quyết toán thuế những năm trước	209.547	(215.481)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	<u><b>11.231.991</b></u>	<u><b>903.961</b></u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.15 Vay và nợ ngắn hạn**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Vay và nợ ngắn hạn	1.403.950.200	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	502.000.000	-
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	901.950.200	-
Phát hành trái phiếu ngắn hạn	1.212.000.000	630.000.000
	<b>2.615.950.200</b>	<b>630.000.000</b>

**III.15.1 Vay và nợ ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
<b>Vay ngân hàng (*)</b>		
Ngân hàng Bắc Á	170.000.000	-
Ngân hàng Techcombank	72.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	160.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Nhà TP HCM	100.000.000	-
<b>Nợ các đối tượng khác (**)</b>		
Công ty Tài chính Điện lực	85.000.000	-
Công ty Quản lý Quỹ MB	10.000.000	-
Công ty Tài chính Handico	490.000.000	-
Công ty CP Tài chính Sông Đà	30.000.000	-
Công ty CP Tài chính & Phát triển Doanh nghiệp	24.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm dầu khí (PVIF)	70.000.200	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	15.000.000	-
Công ty Hà Đô	20.000.000	-
Công ty Cao su Phước Hòa	19.000.000	-
Các cá nhân	138.950.000	-
	<b>1.403.950.200</b>	<b>-</b>

(\*): Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 11 ngày tới 275 ngày và chịu lãi suất từ 10,2% tới 25,1%/năm.

(\*\*): Nợ ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Theo đó, Công ty nhận tiền đặt cọc của các tổ chức và cá nhân để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân này. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng sẽ phải trả cho các tổ chức và cá nhân này một khoản lãi suất trên tổng số tiền đặt cọc từ 8,8% đến 20,1%/năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.15 Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

##### III.15.2 Phát hành trái phiếu ngắn hạn

Chi tiết phát hành trái phiếu ngắn hạn của Công ty trong năm 2009 như sau:

<u>Ngày bắt đầu</u>	<u>Mệnh giá (nghìn đồng)</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Kỳ hạn (tháng)</u>	<u>Lãi suất (%/năm)</u>	<u>Tổng giá trị (nghìn đồng)</u>
26-2-2009	100	2.000.000	12	8,55%-10,55%	200.000.000
21-5-2009	100	3.120.000	12	9%- 10,2%	312.000.000
29-9-2009	100	2.000.000	15	11%	200.000.000
27-10-2009	100	3.000.000	12	12,50%	300.000.000
10-11-2009	100	2.000.000	12	13%	200.000.000
					<b>1.212.000.000</b>

Năm 2008, các trái phiếu này có kỳ hạn từ 11 đến 12 tháng với lãi suất từ 9,6% đến 12%/năm, lãi trả một lần khi đáo hạn.

#### III.16 Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm nghìn đồng</u>	<u>Số đầu năm điều chỉnh lại nghìn đồng</u>
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	37.588.867	46.760.690
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	6.679.182	472.394
<i>Phải trả Trung tâm giao dịch CK</i>	<i>2.774.849</i>	<i>408.280</i>
<i>Phải trả phí hoa hồng cộng tác viên môi giới</i>	<i>3.025.225</i>	<i>-</i>
<i>Phải trả cho các dịch vụ khác</i>	<i>879.108</i>	<i>64.114</i>
	<b>44.268.049</b>	<b>47.233.084</b>

#### III.17 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	<u>Số cuối năm nghìn đồng</u>	<u>Số đầu năm trình bày lại nghìn đồng</u>
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	782.288.491	127.197.809
Phải trả tiền được ủy thác theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán	-	100.000.000
	<b>782.288.491</b>	<b>227.197.809</b>



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.18 Phải trả hộ cổ tức, gốc lãi trái phiếu**

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Phải trả hộ cổ tức, gốc lãi trái phiếu của khách hàng giao dịch chứng khoán	592.064	8.649.681
Phải trả hộ cổ tức, gốc lãi trái phiếu của khách hàng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tài chính	2.208.383	4.355.116
Phải trả cổ tức cho cổ đông	36.400.000	-
	<b>39.200.447</b>	<b>13.004.797</b>

**III.19 Phải trả dài hạn khác**

Phải trả, phải nộp dài hạn khác là khoản phải trả theo các hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán dài hạn với đối tác.

**III.20 Vay và nợ dài hạn**

Vay và nợ dài hạn bao gồm trái phiếu phát hành dài hạn của Công ty cho đối tác có thời hạn 15 tháng và chịu lãi suất 11%/năm, trả lãi một lần khi đáo hạn (năm 2008 các trái phiếu này có thời hạn 2 năm chịu lãi suất từ 9% đến 16,5%/năm, lãi trả hàng năm).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.21. Vốn chủ sở hữu

##### III.21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn cổ phần nghìn đồng</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần nghìn đồng</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển nghìn đồng</i>	<i>Các quỹ dự trữ nghìn đồng</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối nghìn đồng</i>	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi nghìn đồng</i>	<i>Tổng cộng nghìn đồng</i>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	<b>300.000.000</b>	-	<b>695.906</b>	<b>13.979.435</b>	<b>74.722.516</b>	<b>1.223.717</b>	<b>390.621.574</b>
Vốn cổ phần đã phát hành	120.000.000	-	-	-	-	-	120.000.000
Điều chỉnh lợi nhuận để lại do quyết toán thuế năm 2006 và 2007	-	-	-	-	(151.431)	-	(151.431)
Trích lập bổ sung các quỹ năm 2007 theo Biên bản họp của HĐQT số 03/2008/TSC/HĐQT-BB	-	-	1.516.773	3.990.367	(14.607.778)	9.100.638	-
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(1.223.694)	(155.047)	-	(9.270.600)	(10.649.341)
Chuyển trả lợi nhuận năm 2007 về Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	-	(59.897.958)	-	(59.897.958)
Lợi nhuận thuần sau thuế 2008	-	-	-	-	373.160	-	373.160
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008</b>	<b>420.000.000</b>	-	<b>988.985</b>	<b>17.814.755</b>	<b>438.509</b>	<b>1.053.755</b>	<b>440.296.004</b>
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	420.000.000	-	988.985	17.814.755	438.509	1.053.755	440.296.004
Vốn cổ phần phát hành	380.000.000	121.000.000	-	-	-	-	501.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2008 theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009	-	-	37.316	37.316	(134.338)	59.706	-
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2009 theo luật định	-	-	-	8.496.401	(8.496.401)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi sáu tháng đầu năm 2009 theo Quyết định của HĐQT	-	-	-	-	(4.480.000)	4.480.000	-
Chi trả cổ tức trong năm theo tỉ lệ 8%	-	-	-	-	(52.000.000)	-	(52.000.000)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(1.026.301)	(4.780.193)	-	(5.345.625)	(11.152.119)
Điều chỉnh lợi nhuận để lại do quyết toán thuế những năm trước	-	-	-	-	(209.547)	-	(209.547)
Lợi nhuận thuần sau thuế 2009	-	-	-	-	97.323.499	-	97.323.499
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>800.000.000</b>	<b>121.000.000</b>	-	<b>21.568.279</b>	<b>32.441.722</b>	<b>247.836</b>	<b>975.257.837</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### III.21.2 Cổ phiếu phổ thông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty là 80.000.000 (năm 2008: 42.000.000). Trong năm 2009, Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

#### III.21.3 Các quỹ

	Số đầu năm nghìn đồng	Tăng trong năm nghìn đồng	Giảm trong năm nghìn đồng	Số cuối năm nghìn đồng
Quỹ đầu tư phát triển	988.985	37.316	(1.026.301)	-
Các quỹ dự trữ	17.814.755	8.533.718	(4.780.194)	21.568.279
<i>Dự trữ pháp định</i>	6.520.541	-	-	6.520.541
<i>Dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	6.520.541	4.266.859	-	10.787.400
<i>Dự trữ dự phòng tài chính</i>	4.773.673	4.266.859	(4.780.194)	4.260.338
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.053.755	4.539.706	(5.345.625)	247.836
	<b>19.857.495</b>	<b>13.110.740</b>	<b>(11.152.120)</b>	<b>21.816.115</b>

#### III.22 Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	Năm 2009 nghìn đồng	Năm 2008 trình bày lại nghìn đồng
Cổ tức	10.008.386	23.046.794
Trái tức	8.470.334	2.609.025
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	158.401.209	55.203.411
	<b>176.879.929</b>	<b>80.859.230</b>

#### III.23 Doanh thu khác

	Năm 2009 nghìn đồng	Năm 2008 số trình bày lại nghìn đồng
<b>Doanh thu về vốn kinh doanh</b>	<b>230.507.937</b>	<b>223.454.864</b>
Thu lãi tiền gửi	30.787.380	27.785.547
Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán	20.594.876	4.970.021
Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng	147.028.721	190.699.296
Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư thu lợi tức cố định và các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư ba bên với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI)	32.096.960	-
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>61.393.809</b>	<b>1.355.893</b>
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục ủy thác đầu tư	-	1.355.893
Thu tiền bán bất động sản đầu tư	60.502.373	-
Thu khác	891.436	-
	<b>291.901.746</b>	<b>224.810.757</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
**III.24 Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<i>Năm 2009</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2008</i> <i>nghìn đồng</i>
Chi phí môi giới chứng khoán	40.771.996	7.508.554
Chi phí hoạt động tự doanh	111.601.264	53.666.158
Chi phí tư vấn cổ phần hóa	248.992	356.946
Chi phí lưu ký chứng khoán	1.013.393	152.091
Chi phí dự phòng	36.330.994	43.945.634
Chi phí về vốn kinh doanh	186.750.003	179.944.152
Giá vốn bất động sản đầu tư	60.253.600	-
Chi phí hoa hồng cộng tác viên môi giới	26.909.893	-
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh CK:		
<i>Chi phí nhân viên</i>	<i>42.899.503</i>	<i>16.235.264</i>
<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>	<i>4.218.625</i>	<i>3.205.740</i>
<i>Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ</i>	<i>2.577.140</i>	<i>1.365.707</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>18.194.281</i>	<i>10.763.131</i>
<i>Chi phí bằng tiền khác</i>	<i>4.239.186</i>	<i>6.102.219</i>
	<b>536.008.870</b>	<b>323.245.596</b>

**III.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<i>Năm 2009</i> <i>nghìn đồng</i>	<i>Năm 2008</i> <i>nghìn đồng</i>
Chi phí nhân viên	13.643.362	10.019.310
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	514.276	852.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.746.874	5.171.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.441.284	3.298.846
Thuế, phí và lệ phí	47.089	57.571
Chi phí khác bằng tiền	3.447.518	1.467.044
	<b>31.840.403</b>	<b>20.866.914</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

##### IV.1 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 49.671.233 đơn vị (năm 2008: 32.252.055 đơn vị).

##### IV.2 Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	554.750.000
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	1.465.268.000
		Hợp đồng ủy thác đầu tư	3.000.000
		Thu lãi tiền gửi	4.912.221
		Thu phí môi giới CK	2.509.355
		Thu phí quản lý cổ đông	2.366.888
		Thu phí quản lý và bảo lãnh phát hành Trái phiếu	1.577.441
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Thu phí môi giới CK	414.836

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

<i>Công ty liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Khoản phải thu nghìn đồng</i>	<i>Khoản phải trả nghìn đồng</i>
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	59.908.287	-
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	15.000.000	-
		Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK	-	15.525.000
		Phải trả cổ tức năm 2009	-	36.400.000
		Nhận ký quỹ giao dịch CK từ MB	-	48.327.278
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	10.000	-
		Vay ngắn hạn	-	10.000.000
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	5.000.000	-

##### **Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong năm 2009 là 3.754.991 nghìn đồng (Năm 2008 là 1.748.326 nghìn đồng).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**
**IV.3 Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng**
***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Số cuối năm nghìn đồng</i>	<i>Số đầu năm nghìn đồng</i>
Đến 1 năm	9.338.579	-
Trên 1 - 5 năm	12.972.527	22.083.070
Trên 5 năm	-	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 17.941 (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 16.977)

**IV.4 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

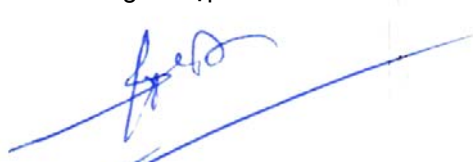
<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước trình bày lại</i>
<b>Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	0,74%	1,56%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	90,02%	65,75%
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản <i>Nợ phải trả/ tổng tài sản</i>	%	79,00%	77,33%
Khả năng thanh toán hiện hành <i>Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,19	1,37
Khả năng thanh toán nhanh <i>(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,19	1,37
Khả năng thanh toán bằng tiền <i>Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,29	0,26
<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	14,39%	0,11%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	2,10%	0,02%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)	%	9,98%	0,08%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****IV.5 Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Người lập



Bà Trương Tú Anh  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt



CÔNG TY  
CƠ PHÂN CHỨNG KHOÁN  
THĂNG LONG  
Đ. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Ông Lê Đình Ngọc  
Tổng Giám đốc

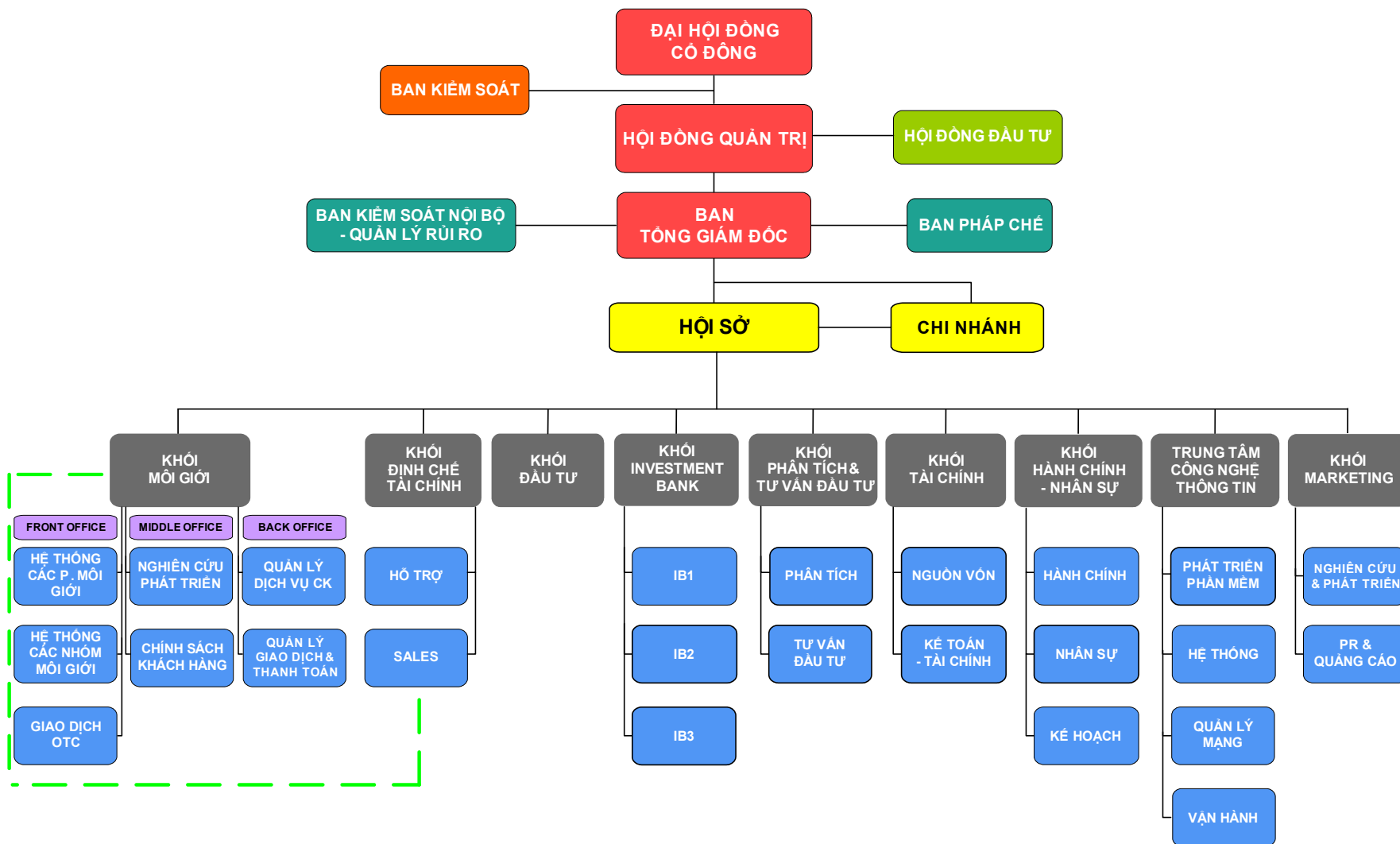
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010



**TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

Cơ cấu tổ chức



**Tóm tắt lý lịch Ban điều hành**
**Ông Lê Đình Ngọc**

Chức vụ hiện tại	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc TSC
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/10/1976
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1998 – 2000: Làm việc tại Phòng Quản lý dự án, Ngân hàng TMCP Quân Đội</li> <li>• 2000 –2003: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh TSC</li> <li>• 2003 –2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh TSC</li> <li>• 2004 – 2006: Phó Giám đốc TSC</li> <li>• Ngày 19/03/2006: Giám đốc TSC</li> <li>• Ngày 02/01/2008: Tổng Giám đốc TSC</li> </ul>

**Ông Trịnh Khắc Hậu**

Chức vụ hiện tại	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc TSC
Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/10/1969
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1986 – 2001: Nghiên cứu sinh và làm việc với chức danh Quản lý tại một số doanh nghiệp lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính và tài trợ dự án tại Liên Xô cũ (nay là Liên Bang Nga)</li> <li>• 2001 – 2005: Làm việc tại Phòng quản lý dự án, Ngân hàng TMCP Quân đội</li> <li>• 2005: Phụ trách Khối Môi giới của TSC</li> <li>• Ngày 01/05/2006: Phó Giám đốc Công ty</li> <li>• Ngày 02/01/2008: Phó Tổng Giám đốc TSC</li> </ul>

**Ông Quách Mạnh Hào**

Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/03/1976
Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 1998 - 2001: Trợ lý tư vấn thuế tại Pricewaterhouse Coopers Hanoi</li> <li>• 2001 - 2005: Du học tại Vương Quốc Anh và được trao bằng MBA, Tiến sỹ về Kinh tế Tài chính tại Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh</li> <li>• 2005 - 2006: Chuyên viên Tài trợ dự án tại Công ty Tư vấn Tài chính Community Finance Solutions, thành phố Manchester, Vương Quốc Anh</li> </ul>

	Anh <ul style="list-style-type: none"><li>• 2006 đến nay: Làm việc tại TSC</li><li>• Ngày 01/08/2008: Tạm giao vị trí Phó Tổng Giám đốc TSC</li></ul>
--	---

### **Chính sách đối với người lao động**

Tổng số nhân viên đang làm việc tại công ty đến ngày 31/12/2009 là 310 người. Với chính sách nhân sự lấy con người làm trọng tâm, Công ty luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của người lao động, thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Trong năm 2009, Công ty đã áp dụng chính sách bảo hiểm sức khỏe cao cấp dành cho cán bộ nhân viên với số tiền đền bù lên tới 15.000.000 đồng/hợp đồng.

Ngoài ra cán bộ nhân viên còn được hưởng những chính sách đãi ngộ khác tạo sự gắn bó và đoàn kết trong nội bộ công ty

## THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Phạm Viết Thích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thu Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Thẩm Thị Thúy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Đoàn Như Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2009

Năm 2009, HĐQT Công ty CP Chứng khoán Thăng Long đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và duy trì thường xuyên các cuộc họp thường kỳ của HĐQT. HĐQT đã thể hiện được sự cố gắng, trách nhiệm đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo mọi hoạt động của Công ty và trách nhiệm đối với các cổ đông. Hoạt động của HĐQT luôn tuân thủ nguyên tắc, quy định theo Quy chế đã ban hành, theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### Thù lao và các khoản lợi ích của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát

Tiền thù lao (VND/tháng)	Tiền thù lao (VND/năm)
31.500.000	378.000.000

#### Tỷ lệ sở hữu cổ phần

STT	Họ và tên	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần		Chú ý
		Tăng vốn đợt I/2009	Tăng vốn đợt II/2009	
1	Lê Văn Bé	22,4%	20,3%	Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Quân đội
		0,7%	0,8%	
2	Lê Đình Ngọc	3,8%	4,3%	
3	Trịnh Khắc Hậu	3,0%	3,4%	
4	Phạm Tuấn	25,2%	22,8%	Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Quân đội
5	Phạm Viết Thích	22,4%	20,3%	Đại diện phần vốn góp của Ngân hàng TMCP Quân đội